



NHÃN HỘP

Hộp 20 ống 7ml

HD/EXP:
NSX/MFG:
SLSX/LOT:

CHOLIN ALFOSCAT
DUNG DỊCH UỐNG

600 MG/7 ML

Conextrin

Rx

Thuốc kê đơn

Conextrin

600 MG/7 ML

CHOLIN ALFOSCAT
DUNG DỊCH UỐNG

20 ống x 7 ML

Thành phần: Mỗi 7 ml chứa
Cholin alfoscat.....600 mg
Tương đương.....8,57 % kl/tt

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo

Đóng gói: Hộp 20 ống x 7 ml

Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, dưới 30°C

Tiêu chuẩn: TCCS

SDK:

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Không được tiêm

Sản xuất tại
**CÔNG TY TNHH
DƯỢC PHẨM HOA LINH HÀ NAM**
Khu công nghiệp Đồng Văn I,
phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên,
tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Rx

Prescription drug

Conextrin

600 MG/7 ML

CHOLINE ALFOSCAT
ORAL SOLUTION



20 TUBES X 7 ML

Ingredients: Each 7 ml contains
Choline alfoscate.....600 mg
Equivalent to.....8.57 % w/v

Indications, usage, contraindications and other information: See the enclosed instruction for use

Package: Box of 20 tubes x 7 ml

Storage: At a dry place, protect from light, below 30°C.

Specifications: In-house

**Keep out of reach of children
Read the instruction carefully before use
Do not inject**

Manufactured by
**HOA LINH HA NAM
PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED**
Dong Van I Industrial Zone, Dong Van
Ward, Duy Tien Town, Ha Nam Province.



NHÃN HỘP

Hộp 30 ống 7 ml

HD/XP:
NSX/MFG:
TSLX/LOT:

CHOLIN ALFOSCERAT
DUNG DỊCH UỐNG

600 MG/7 ML

Conextrin

Rx) Thuốc kê đơn

Conextrin

600 MG/7 ML

CHOLIN ALFOSCERAT
DUNG DỊCH UỐNG

HOALINH

30 ỐNG X 7 ML

Thành phần: Mỗi 7 ml chứa
Cholin alfoscerat.....600 mg
Tương đương.....8,57 % kl/tt

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo

Đóng gói: Hộp 30 ống x 7 ml

Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, dưới 30°C

Tiêu chuẩn: TCCS

SDK:

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Không được tiêm

Sản xuất tại
**CÔNG TY TNHH
DƯỢC PHẨM HOA LINH HÀ NAM**
Khu công nghiệp Đồng Văn I,
phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên,
tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Rx) Prescription drug

Conextrin

600 MG/7 ML

CHOLINE ALFOSCERATE
ORAL SOLUTION

HOALINH

30 TUBES X 7 ML

Ingredients: Each 7 ml contains
Choline alfoscerate.....600 mg
Equivalent to.....8.57 % w/v

Indications, usage, contraindications and other information: See the enclosed instruction for use

Package: Box of 30 tubes x 7 ml

Storage: At a dry place, protect from light, below 30°C.

Specifications: In-house

Reg. No.:

Keep out of reach of children
Read the instruction carefully before use
Do not inject

Manufactured by
**HOA LINH HA NAM
PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED**
Dong Van I Industrial Zone, Dong Van Ward,
Duy Tien Town, Ha Nam Province.

Hộp 50 ống 7 ml



NHÃN HỘP



Thành phần: Mỗi 7 ml chứa	
Choline alfoscerat.....	600 mg
Tương đương.....	8,57 % kl/tt
Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo	
Đóng gói: Hộp 50 ống x 7 ml	
Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, dưới 30°C	
Tiêu chuẩn: TCCS	
SĐK:	
Để xa tầm tay trẻ em	
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng	
Không được tiêm	
Sản xuất tại	
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÒA LINH HÀ NAM	
Khu công nghiệp Đồng Văn I, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Việt Nam	



Ingredients: Each 7 ml contains	
Choline alfoscerate.....	600 mg
Equivalent to.....	8.57 % w/v
Indications, usage, contraindications and other information: See the enclosed instruction for use	
Package: Box of 50 tubes x 7 ml	
Storage: At a dry place, protect from light, below 30°C.	
Specifications: In-house	
Reg. No.:	
Keep out of reach of children	
Read the instruction carefully before use	
Do not inject	



NHÃN DÁN ỐNG

Ống 7 ml



Số lô SX và hạn dùng được dập trên ống trong quá trình SX



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Rx CONEXTRIN

(Dung dịch uống Cholin alfoscerat 600 mg/7 ml)

Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Không được tiêm

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC: Mỗi ống 7 ml dung dịch chứa:

Thành phần dược chất: Cholin alfoscerat 600 mg (tương đương 8,57 % kl/tt).

Thành phần tá dược: Dung dịch sorbitol 70%, đường kính trắng, sucralose, acid citric khan, methylparaben, propylparaben, glycerin, natri hydroxyd, hương dâu, nước tinh khiết.

DẠNG BẢO CHẾ: Dung dịch uống.

Mô tả: Dung dịch trong, không màu, hương thơm, vị ngọt.

CHỈ ĐỊNH:

- Hội chứng thoái hóa não hoặc các triệu chứng thứ phát sau khi bị thiếu năng tuần hoàn não, rối loạn nhận thức nguyên phát hoặc thứ phát ở người cao tuổi với biểu hiện như: suy giảm trí nhớ, lú lẫn, mất phương hướng, giảm động lực và sáng kiến, giảm khả năng chú ý,...
- Sự thay đổi về tình cảm và thay đổi hành vi do tuổi già: dễ thay đổi cảm xúc, cáu gắt, thờ ơ với môi trường xung quanh,...
- Giảm trầm cảm ở người cao tuổi.

CÁCH DÙNG & LIỀU DÙNG:

Dung dịch uống: mỗi lần 1 ống x 2 lần/ngày.

Liều dùng có thể được tăng lên theo chỉ định của bác sĩ.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Quá mẫn với cholin alfoscerat hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

Để thuốc ngoài tầm với và tầm nhìn của trẻ em.

Thuốc có chứa 700 mg sorbitol 70% trong mỗi ống. Cần xem xét tác dụng hiệp đồng của các thuốc có chứa sorbitol (hay fructose) và lượng sorbitol (hay fructose) dùng theo chế độ ăn kiêng. Hàm lượng sorbitol có trong thuốc uống có thể ảnh hưởng sinh khả dụng của các thuốc khác khi dùng chung. Bệnh nhân bị rối loạn không dung nạp fructose do di truyền không nên được chỉ định thuốc này.

Thuốc có chứa đường kính trắng (sucrose), bệnh nhân bị rối loạn di truyền hiếm gặp như không dung nạp fructose, kém hấp thu glucose-galactose hoặc thiếu hụt enzym sucrase-isomaltase không nên dùng thuốc này.

Thuốc chứa methylparaben, propylparaben có thể gây ra các phản ứng dị ứng (có thể xảy ra chậm).

Thuốc này có chứa dưới 1 mmol (23 mg) natri trong mỗi ống 7ml, về cơ bản được xem như “không chứa natri”.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Không sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai. Tuy nhiên, các nghiên cứu cụ thể cho thấy không có thông tin về ảnh hưởng đến phôi thai và gây quái thai.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Thuốc không ảnh hưởng đến khả năng lái xe, vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC:

Tương tác thuốc:

Chưa có dữ liệu về tương tác thuốc.

Tương kỵ thuốc:

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

Là tiền chất của chất có nguồn gốc sinh học, ngay cả khi sử dụng cholin alfoscerat kéo dài cũng thường không gây ra các vấn đề về khả năng dung nạp. Buồn nôn có thể xảy ra (có thể là do hoạt hóa dopaminergic thứ cấp), trường hợp này có thể yêu cầu giảm liều dùng.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ khi gặp các tác dụng không mong muốn như trên khi sử dụng thuốc hoặc báo cáo các phản ứng có hại của thuốc về Trung tâm Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR) Quốc Gia.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Xin xem mục Tác dụng không mong muốn của thuốc.

ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm dược lý: Nhóm thuốc khác tác dụng lên hệ thần kinh.

Mã ATC: N07AX02

Cholin alfoscerat là chất vận chuyển cholin và tiền chất của phosphatidylcholin, có khả năng để thực hiện phòng ngừa và khắc phục các tổn thương sinh hóa, được công nhận là có các giá trị đặc biệt trong số các yếu tố phát sinh bệnh của hội chứng tâm lý thoái hóa, và cụ thể là giảm số lượng cholinergic và thay đổi thành phần phospholipid ở màng tế bào thần kinh.

Cấu trúc hóa học của cholin alfoscerat (chứa 40,5% cholin) và các tính chất hóa – lý liên quan đảm bảo cung cấp một lượng hoạt chất đáng kể và trao đổi chất để bảo vệ mô não.

Các kết quả kiểm tra thử nghiệm dược lý tiền lâm sàng và các nghiên cứu lâm sàng đã xác nhận khả năng can thiệp một cách thuận lợi các chức năng và trí nhớ, cũng như phạm vi cảm xúc và hành vi bị thay đổi do hội chứng thoái hóa não.

ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC

Hấp thu nhanh và hoàn toàn qua đường tiêu hóa, hấp thu và phân bố nhanh chóng vào các mô và cơ quan khác nhau, bao gồm cả não. Thuốc đào thải qua thận (khoảng 10% liều gắn phóng xạ được tìm thấy sau 96 giờ), sinh khả dụng cao hơn trong não so với cholin gắn tritium.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

Hộp 20 ống x 7 ml.

Hộp 30 ống x 7 ml.

Hộp 50 ống x 7 ml.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Nơi khô, tránh ánh sáng, dưới 30°C.

HẠN DÙNG: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS.

Sản xuất tại:

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH HÀ NAM

Khu công nghiệp Đồng Văn I, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, Hà Nam

